

Bản án số: 03/2022/HC-ST
Ngày 12-4-2022
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông K'Tiêng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Vân và bà Đỗ Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 39/2021/TLST-HC ngày 23-11-2021 về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 01/2022/QĐXXST-HC ngày 05-01-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* **Ông Ngô Hùng Đ**, sinh năm 1964 và **bà Phạm Thị Ánh N**, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

2. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* **Ông Võ Cao T**; địa chỉ: Công ty luật TNHH T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3. *Người bị kiện:* **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S.**

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Võ Quốc Tuấn** – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S (Văn bản ủy quyền số: 21/GUQ-UBND ngày 01-12-2021) – Có mặt.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.**

Người đại diện theo ủy quyền: **Ông Lê Trọng Y** – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (Văn bản ủy quyền số: 908/UBND-NNTNMT ngày 01-3-2022) – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-8-2020 và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày: Năm 2007, Ủy ban nhân dân huyện S thu hồi diện tích đất 13.980m² của gia đình ông Ngô Hùng Đ, bà Phạm Thị Ánh N để xây dựng trường THCS

Nguyễn Chí T và bồi thường, hỗ trợ số tiền 130.042.466 đồng. Tuy nhiên, do quy trình thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ không tuân theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định, giá bồi thường quá thấp so với giá thị trường nên ông Đ đã khiếu nại và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S giải quyết tại Quyết định số: 1434/QĐ-CTUBND ngày 19-10-2009. Không đồng ý với quyết định này, ông Đ đã khiếu nại lần hai và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giải quyết khiếu nại tại Quyết định số: 252/QĐ-UBND ngày 10-02-2010, nội dung quyết định cũng thừa nhận việc thu hồi đất, cưỡng chế thu hồi đất đối với gia đình ông Đ là có vi phạm về trình tự, thủ tục. Sau khi nhận được Quyết định số: 252/QĐ-UBND ngày 10-02-2010 này thì gia đình ông Đ không khiếu kiện gì vì để thời gian cho Ủy ban nhân dân huyện S khắc phục những sai phạm mà quyết định này đã nêu ra. Tuy nhiên đến nay gia đình ông vẫn không nhận được bất kỳ văn bản nào về việc khắc phục sai phạm của Ủy ban nhân dân huyện S. Do đó, tháng 3/2020, ông Đ làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của gia đình tôi theo đúng pháp luật, bồi thường đất và tài sản trên đất theo giá thị trường và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S trả lời tại Công văn số: 27/UBND-TTr ngày 06-4-2020. Không đồng ý với công văn này, ông Đ tiếp tục làm đơn khiếu nại đề ngày 31-5-2020 yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện S phải bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của gia đình tôi và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S trả lời tại Công văn số: 66/UBND-TTr ngày 30-6-2020. Không đồng ý với Công văn số: 66/UBND-TTr ngày 30-6-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S nên ông Đ, bà N khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Yêu cầu khởi kiện: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Công văn số: 66/UBND-TTr ngày 30-6-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, với lý do: - Về hình thức: Đơn ngày 31-5-2020 ông, bà gửi đến Chủ tịch UBND huyện S là đơn khiếu nại nên Chủ tịch UBND huyện S ban hành công văn trả lời đơn của công dân là không đúng quy định, phải ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. - Về nội dung: Ông, bà chưa được chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất nên ngày 13-3-2020 ông, bà có đơn yêu cầu thực hiện nội dung này và được trả lời tại Công văn số: 27/UBND-TTr ngày 06-4-2020. Ông, bà không đồng ý với công văn này và làm đơn khiếu nại. Tại Công văn số: 66/UBND-TTr ngày 30-6-2020 của Chủ tịch UBND huyện S vẫn chưa giải quyết đúng yêu cầu của ông, bà, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của ông, bà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện thống nhất ý kiến, không trình bày nội dung gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày: Ngày 13-12-2007, Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số: 2360/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án đền bù thiệt hại khi giải phóng mặt bằng xây dựng trường THCS Nguyễn Chí T, trong đó gia đình ông Đ được bồi thường với số tiền 130.042.466 đồng. Không đồng ý với việc bồi thường nên ông Đ không nhận tiền. Ngày 19-01-2009, ông Đ gửi đơn khiếu nại và được giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số: 1434/QĐ-CTUBND ngày 19-10-2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, nội dung quyết định công nhận các nội dung trong

đơn khiếu nại gồm: Quyết định số: 1544/QĐ-UBND ngày 24-01-2007 của Ủy ban nhân dân huyện về việc thu hồi đất của gia đình ông Đ ghi sai ngày tháng, sai cơ quan cấp và sai số sê-ri giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất bị thu hồi; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ban hành Công văn số: 54/CV-TNMT ngày 26-9-2008 đính chính nội dung quyết định thu hồi đất số: 1544/QĐ-UBND ngày 24-01-2007 là sai thẩm quyền; UBND xã H thực hiện chưa đầy đủ thủ tục theo pháp luật quy định thu hồi và quản lý tài sản sau cưỡng chế. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, ông Đ có đơn khiếu nại lần hai và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giải quyết tại Quyết định số: 252/QĐ-UBND ngày 10-02-2010. Theo đó, công nhận Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S giải quyết đúng 03 nội dung khiếu nại của ông Đ tại Quyết định số: 1434/QĐ-CTUBND ngày 19-10-2009. Với những sai sót đã nêu trong Quyết định số: 252/QĐ-UBND ngày 10-02-2010, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các đơn vị khắc phục theo quy định.

Đối với nội dung tại Điều 3 Quyết định số: 252/QĐ-UBND ngày 10-02-2010 *“Ông Ngô Hùng Đ có trách nhiệm nhận số tiền bồi thường theo Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 13/12/2007 của UBND huyện S. Nếu sau thời gian 3 tháng kể từ ngày Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 có hiệu lực thì hành ông Đ không nhận tiền, UBND huyện S sung công quỹ theo quy định pháp luật.”* Căn cứ Điều 3, Ủy ban nhân dân huyện S đã mời ông Đ đến nhận tiền nhiều lần nhưng ông Đ không đến nhận tiền, không thực hiện đúng Điều 3 nêu trên nên Ban Quản lý dự án đã nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định. Cụ thể tại bản tự khai ngày 25-12-2020, người bị kiện trình bày: Sau khi rút tiền đền bù GPMB, Ban quản lý các dự án đã trực tiếp thực hiện chi trả cho các hộ dân. Trong đó hộ dân ông Ngô Hùng Đ không đồng ý nhận tiền đền bù. Sau nhiều lần liên hệ trực tiếp, ngày 01/07/2008; ngày 24/07/2008 Ban quản lý các dự án đã có Giấy mời gửi đảm bảo bằng đường Bưu điện để mời ông Ngô Hùng Đ lên làm việc nhằm chi trả tiền đền bù, nhưng hộ dân vẫn không đến nhận tiền. Căn cứ Mục III (Tạm ứng và Thu hồi tạm ứng) tại Thông tư số 27/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về quản lý, thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn NSNN, việc nộp tiền vào tài khoản tạm giữ tại KBNN của chủ đầu tư là đúng theo quy định. Số tiền đền bù được tạm giữ tại tài khoản tiền gửi của đơn vị từ tháng 9/2008 đến tháng 12/2009 nhằm phục vụ cho việc chi trả tiền đền bù, cũng như phục vụ cho việc giải quyết khiếu nại. Tháng 12/2009 công trình xây dựng hoàn thành, chủ đầu tư đã tiến hành nghiệm thu đưa vào sử dụng và trình phê duyệt quyết toán hoàn thành công trình theo quy định. Nhằm hoàn trả nợ tạm ứng tại KBNN, đồng thời tắt toán tài khoản công trình, **ngày 22/12/2009** chủ đầu tư đã nộp số tiền 130.043.000 đồng vào NSNN. Ngày 31-5-2020, ông Đ tiếp tục gửi đơn khiếu nại với những nội dung tương tự đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giải quyết. Căn cứ khoản 7 Điều 11 Luật Khiếu nại 2011, Ủy ban nhân dân huyện S không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 31-5-2020 của ông Đ là đúng quy định, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của người khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến và đề nghị vắng mặt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên đối thoại ngày 05-01-2022, người bị kiện không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện vì vấn đề bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông Đ, bà N đã được giải quyết khiếu nại lần 1, lần 2 (hiện nay các quyết định này có hiệu lực thi hành) nên Công văn số: 66/UBND-TTr ngày 30-6-2020 chỉ nhắc lại các nội dung đã được giải quyết tại các quyết định giải quyết khiếu nại lần 1, lần 2, không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của ông Đ, bà N và không thuộc trường hợp phải ban hành quyết định giải quyết khiếu nại. UBND huyện S rất thiện chí khi xem xét quyền lợi cho công dân nên nếu ông Đ, bà N chấp nhận nhận số tiền khoảng 130 triệu đồng theo phương án trước đây thì UBND huyện S sẽ phối hợp tạo điều kiện. Tuy nhiên, người khởi kiện không đồng ý với ý kiến của người bị kiện, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, người bị kiện đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo hướng bác đơn khởi kiện và trình bày bổ sung nội dung: Với những sai sót đã nêu trong Quyết định số: 252/QĐ-UBND ngày 10-02-2010, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các đơn vị khắc phục đầy đủ nhưng hiện nay người bị kiện chỉ tìm được Quyết định số: 270/QĐ-UBND ngày 31-3-2010 hủy bỏ Quyết định số 1544/QĐ-CTUBND ngày 24-10-2007 v/v thu hồi đất của hộ ông Ngô Hùng Đ; Quyết định số: 271/QĐ-UBND ngày 31-3-2010 hủy bỏ Quyết định số: 60/QĐ-UBND ngày 10-9-2008 v/v thành lập đoàn cường chế của Ủy ban nhân dân xã H; Quyết định số: 272/QĐ-UBND ngày 31-3-2010 hủy bỏ Quyết định số: 57/QĐ-UBND ngày 10-9-2008 v/v cường chế thu hồi 13.980m² đất của hộ ông Ngô Hùng Đ (cung cấp bản photo cho Tòa án), không thấy quyết định thay thế Quyết định số 1544/QĐ-CTUBND ngày 24-10-2007. Người khởi kiện giữ nguyên nội dung khởi kiện và xác định chưa nhận được bất kỳ văn bản nào của Ủy ban nhân dân huyện S

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng về quyền, nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy Công văn số: 66/UBND-TTr ngày 30-6-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về việc trả lời đơn của công dân, Điều 3 Quyết định số: 252/QĐ-UBND ngày 10-02-2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và một phần Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 13-12-2007 của Ủy ban nhân dân huyện S v/v phê duyệt phương án đền bù thiệt hại khi giải phóng mặt bằng xây dựng trường THCS xã H, phần bồi thường cho hộ ông Ngô Hùng Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 30-6-2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Công văn số: 66/UBND-TTr về việc trả lời đơn của công dân.

Ngày 08-8-2020, người khởi kiện gửi đơn khởi kiện qua bưu điện trong thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Công văn số: 66/UBND-TTr ngày 30-6-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND tỉnh Đắk Nông theo khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

2.1. Điều 2 Quyết định giải quyết khiếu nại lần 02 số: 252/QĐ-UBND ngày 10-02-2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ nêu:

“Điều 2. Yêu cầu Chủ tịch UBND huyện S:

1. Hủy bỏ các quyết định sai về ký hiệu văn bản, văn bản ban hành không đúng thẩm quyền, cụ thể:

+ Quyết định số 1544/QĐ-CTUBND ngày 24/10/2007 của UBND huyện về việc thu hồi đất của ông Ngô Hùng Đ.

+ Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 về việc cưỡng chế thu hồi 13.980m² đất của ông Ngô Hùng Đ và Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 10/9/2008 về việc thành lập Đoàn cưỡng chế của UBND xã H.

2. Ban hành quyết định khác thay thế các quyết định trên đúng theo quy định của pháp luật. Đối với Quyết định thay thế Quyết định số 1544/QĐ-CTUBND ngày 24/10/2007 ngoài việc thu hồi hết diện tích 13.980m², thửa đất số 61, tờ bản đồ số 49 trong GCNQSDĐ số W836876, nội dung Quyết định phải nêu rõ diện tích thu hồi thực tế là 11.175m² theo kết quả xác minh.”

Ủy ban nhân dân huyện S đã ban hành Quyết định số: 270/QĐ-UBND ngày 31-3-2010 hủy bỏ Quyết định số 1544/QĐ-CTUBND ngày 24-10-2007 v/v thu hồi đất của hộ ông Ngô Hùng Đ nhưng không xác định được có ban hành quyết định khác thay thế Quyết định số 1544/QĐ-CTUBND ngày 24-10-2007 không. Việc ban hành lại quyết định thu hồi đất dẫn đến có thể ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì Quyết định số 2360/QĐ-UBND ngày 13/12/2007 của UBND huyện S phê duyệt phương án đền bù thiệt hại đối với diện tích đất bị thu hồi theo GCNQSDĐ là 13.980m² nhưng diện tích thực tế bị thu hồi là 11.175m².

2.2. Điều 3 Quyết định giải quyết khiếu nại lần 02 số: 252/QĐ-UBND ngày 10-02-2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ nêu: *“Ông Ngô Hùng Đ có trách nhiệm nhận số tiền bồi thường theo Quyết định số 1360/QĐ-UBND ngày 13/12/2007 của UBND huyện S. Nếu sau thời gian 3 tháng kể từ ngày Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 có hiệu lực thi hành ông Đ không nhận tiền, UBND huyện S sung công quỹ theo quy định pháp luật.”* Tuy nhiên, Quyết định về việc phê duyệt phương án đền bù thiệt hại khi giải phóng mặt bằng xây dựng: Trường THCS xã H của UBND huyện S số 2360/QĐ-UBND ngày 13/12/2007 (BL 94 - 95).

Đồng thời, tại bản tự khai ngày 25-12-2020, người bị kiện trình bày: *“...Số tiền đền bù được tạm giữ tại tài khoản tiền gửi của đơn vị từ tháng 9/2008 đến*

tháng 12/2009 nhằm phục vụ cho việc chi trả tiền đền bù, cũng như phục vụ cho việc giải quyết khiếu nại. Tháng 12/2009 công trình xây dựng hoàn thành, chủ đầu tư đã tiến hành nghiệm thu đưa vào sử dụng và trình phê duyệt quyết toán hoàn thành công trình theo quy định. Nhằm hoàn trả nợ tạm ứng tại KBNN, đồng thời tất toán tài khoản công trình, **ngày 22/12/2009** chủ đầu tư đã nộp số tiền 130.043.000 đồng vào NSNN.” và tại Giấy nộp trả vốn đầu tư ngày 22-12-2019 (BL số 114) cũng thể hiện nội dung này. Như vậy, việc nộp tiền vào ngân sách Nhà nước **trước ngày 10-02-2010** (ngày ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 02 số: 252/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ).

2.3. Tại đơn yêu cầu bồi thường hỗ trợ đề ngày 13-3-2020 của ông Ngô Hùng Đ, ông Đ yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của gia đình ông tại thửa đất số 61, tờ bản đồ số 49, diện tích 13.980m², địa chỉ thôn L, xã H, huyện S. Ngày 06-4-2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Công văn số: 27/UBND-TTr về việc trả lời đơn của công dân, nội dung “...*Như vậy, nội dung yêu cầu bồi thường hỗ trợ của ông Ngô Hùng Đ đã được UBND huyện S giải quyết lần đầu và UBND tỉnh Đắk Nông giải quyết lần hai theo quy định pháp luật. Đối với số tiền đền bù 130.042.466 đồng do ông Ngô Hùng Đ không nhận nên Ban quản lý dự án đã nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 10/02/2010 của UBND tỉnh Đắk Nông.*”

Không đồng ý với Công văn số: 27/UBND-TTr ngày 06-4-2020, ông Đ gửi đơn khiếu nại đề ngày 31-5-2020 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S trả lời tại Công văn số: 66/UBND-TTr ngày 30-6-2020 về việc trả lời đơn của công dân cùng nội dung trên là không đúng theo phân tích tại tiểu mục 2.1 và 2.2. mục 2 đã nêu.

2.4. Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Ngô Hùng Đ, bà Phạm Thị Ánh N, tuyên hủy Công văn số: 66/UBND-TTr ngày 30-6-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về việc trả lời đơn của công dân. Đồng thời, xét thấy Điều 3 Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 02) số: 252/QĐ-UBND ngày 10-02-2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ không đảm bảo quyền lợi của người khởi kiện và có sai phạm đã nêu trên nên Hội đồng xét xử có căn cứ tuyên hủy Điều 3 Quyết định số: 252/QĐ-UBND ngày 10-02-2010.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận đề nghị tuyên hủy Công văn số: 66/UBND-TTr ngày 30-6-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về việc trả lời đơn của công dân và Điều 3 Quyết định số: 252/QĐ-UBND ngày 10-02-2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ; không có căn cứ chấp nhận đề nghị tuyên hủy một phần Quyết định số: 2360/QĐ-UBND ngày 13-12-2007 của Ủy ban nhân dân huyện S v/v phê duyệt phương án đền bù thiệt hại khi giải phóng mặt bằng xây dựng trường THCS xã H, phần bồi thường cho hộ ông Ngô Hùng Đ.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Do quyết định hành chính bị hủy nên người bị kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật. Trả lại cho người khởi kiện số tiền đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Ngô Hùng Đ, bà Phạm Thị Ánh N, tuyên hủy Công văn số: 66/UBND-TTr ngày 30-6-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về việc trả lời đơn của công dân.

2. Tuyên hủy Điều 3 Quyết định số: 252/QĐ-UBND ngày 10-02-2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Hùng Đ đối với Quyết định số 1434/QĐ-UBND ngày 19-10-2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Nông.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Đắk Nông phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Ngô Hùng Đ, bà Phạm Thị Ánh N 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai số: 0004424 ngày 09-11-2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày giao bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- UBND tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, THC, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký và đóng dấu*)

K'Tiêng